

3. Công khai tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm: Hàng quý, năm doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải lập và gửi báo cáo tài chính cho các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại điểm 1 Mục VII của Thông tư này.

4. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chế độ tài chính.

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có trách nhiệm giải trình các vấn đề tài chính liên quan theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước khi thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

4.1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính của mình. Việc kiểm tra tài chính được tiến hành theo các hình thức:

- a) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất;
- b) Kiểm tra từng chuyên đề theo yêu cầu của công tác quản lý tài chính.

4.2. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm vi phạm chế độ tài chính của Nhà nước sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 năm 8 tháng 2001. Riêng việc trích lập dự phòng nghiệp vụ, hạch toán doanh thu chi phí, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận, chế độ báo cáo của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thực hiện theo các quy định hiện hành đến hết năm 2001.

2. Thông tư số 45/TC-CDTC ngày 30/5/1994 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

LÊ THỊ BẢNG TÂM

THÔNG TƯ số 73/2001/TT-BTC ngày 30/8/2001 hướng dẫn thực hiện chế độ sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội.

Căn cứ vào Quyết định số 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định Tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính đối với việc sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động như sau:

1. Căn cứ vào tính chất và yêu cầu công việc đối với một số cán bộ trực tiếp đảm nhận các nhiệm vụ đặc biệt thực sự cần thiết phải trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng hoặc điện thoại di động thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các chức danh tương đương thuộc tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội (đối với các cơ quan thuộc Trung ương); Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định (đối với các cơ quan trực thuộc địa phương).

Mức thanh toán cước phí sử dụng điện thoại cho đối tượng này thực hiện theo quy định tại điểm 3 Điều 6 Quyết định số 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối với cán bộ thuộc cơ quan ngoại giao, cơ quan thương vụ, cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình... của Việt Nam tại nước ngoài được Bộ (hoặc cơ quan) chủ quản quyết định trang bị điện thoại cố định tại nhà riêng và điện thoại di động được thanh toán tiền mua máy, chi phí lắp đặt và thanh toán cước sử dụng điện thoại (kể cả tiền thuê bao) hàng tháng trên cơ sở hóa đơn thanh toán của cơ quan bưu điện nước đó và tối đa bằng mức khoán của Bộ chủ quản.

Bộ (hoặc cơ quan) chủ quản căn cứ vào giá máy, giá cước sử dụng điện thoại quy định của từng nước; mức độ, yêu cầu sử dụng điện thoại của từng đối tượng để quyết định mức kinh phí trang bị máy điện thoại, mức kinh phí thanh toán cước sử dụng điện thoại tối đa cho từng đối tượng được trang bị điện thoại.

3. Đối với cán bộ được trang bị điện thoại cố định tại nhà riêng và điện thoại di động khi phải trực tiếp tham gia công tác tìm kiếm cứu nạn, phòng chống và khắc phục thiên tai phải được Thủ trưởng đơn vị quyết định bằng văn bản triệu tập giao nhiệm vụ làm công tác trên thì được thanh toán cước phí sử dụng điện thoại theo thực tế đã sử dụng trên cơ sở hóa đơn thanh toán của cơ quan bưu điện; thời gian được thanh toán cước phí sử dụng điện thoại cho hoạt động trên tính từ đầu tháng khi Thủ trưởng đơn vị có quyết định triệu tập, giao nhiệm vụ đến khi công việc tìm kiếm cứu nạn, khắc phục thiên tai kết thúc (tính đến hết tháng).

4. Trường hợp cán bộ được trang bị điện thoại cố định tại nhà riêng và điện thoại di động khi chuyển sang đảm nhiệm công tác mới, khi có quyết định nghỉ hưu, nghỉ công tác được thực hiện như sau:

4.1. Đối với cán bộ chuyển sang cơ quan khác công tác mà ở vị trí công tác mới vẫn được tiêu chuẩn sử dụng điện thoại cố định tại nhà riêng, điện thoại di động thì cơ quan cũ chuyển hợp đồng sử dụng điện thoại sang cơ quan mới để cơ quan

mới thanh toán cước sử dụng điện thoại kể từ tháng cán bộ chuyển đến công tác. Cơ quan cũ thanh toán cước sử dụng điện thoại cho cán bộ đến hết tháng khi cán bộ chuyển đi.

4.2. Đối với cán bộ khi chuyển sang đảm nhiệm công tác mới không thuộc diện được trang bị điện thoại thì cơ quan quản lý cán bộ thu hồi điện thoại di động đã trang bị. Đối với điện thoại cố định nếu cán bộ có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì cơ quan làm thủ tục chuyển hợp đồng sử dụng điện thoại về gia đình để cán bộ tự thanh toán với cơ quan bưu điện. Cơ quan quản lý cán bộ thanh toán cước phí điện thoại cho cán bộ đến hết tháng khi cán bộ chuyển sang đảm đương công tác mới.

4.3. Cán bộ lãnh đạo thuộc các đối tượng nêu tại điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 2 Điều 2 khi nghỉ hưu, nghỉ công tác được cơ quan quản lý tiếp tục thanh toán cước phí sử dụng điện thoại cố định trong thời gian 3 tháng, kể từ ngày có quyết định nghỉ hưu, nghỉ công tác. Hết thời hạn 3 tháng nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì cơ quan quản lý cán bộ đó làm thủ tục chuyển hợp đồng sử dụng điện thoại về gia đình để cán bộ tự thanh toán cước phí với cơ quan bưu điện.

Đối với điện thoại di động, cơ quan quản lý cán bộ phải thu hồi máy điện thoại di động kể từ ngày có quyết định nghỉ hưu, nghỉ công tác.

4.4. Các cán bộ lãnh đạo khác và cán bộ đảm nhiệm các nhiệm vụ đặc biệt khi nghỉ hưu, nghỉ công tác nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng điện thoại cố định thì cơ quan quản lý cán bộ làm thủ tục chuyển hợp đồng sử dụng điện thoại về gia đình để cán bộ tự thanh toán cước phí với cơ quan bưu điện và thu hồi điện thoại di động đã trang bị cho cán bộ đó (nếu có) kể từ ngày có quyết định nghỉ hưu, nghỉ công tác. Cơ quan quản lý cán bộ thanh toán cước phí sử dụng điện thoại cho đối tượng này cho đến hết tháng kể từ tháng có quyết định nghỉ hưu, nghỉ công tác.

5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ vào Quy định Tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động ban hành kèm theo Quyết định số 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ; Quy

định số 68/QĐ-TW ngày 21/10/1999 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, quy định của Ban Tổ chức Trung ương Đảng và hướng dẫn tại Thông tư này để xây dựng Quy chế về trang bị, sử dụng và thanh toán cước phí điện thoại cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ ngoài tiêu chuẩn đã quy định và phải chịu trách nhiệm trước Nhà nước nếu làm sai quy định.

Bản Quy chế bao gồm các nội dung sau:

- Đối tượng cán bộ nào, thuộc đơn vị nào được trang bị điện thoại cố định tại nhà riêng, cán bộ nào được trang bị điện thoại di động, các cán bộ nào đảm nhiệm nhiệm vụ đặc biệt được trang bị điện thoại.

- Mức phí sử dụng điện thoại tối đa được cơ quan thanh toán cho từng đối tượng cho phù hợp nhưng không được vượt quá mức tối đa đã được Thủ tướng Chính phủ quy định cho mỗi cấp cán bộ lãnh đạo.

- Cách thức thanh toán chi phí mua sắm, lắp đặt, cước phí sử dụng điện thoại, xử lý các đối tượng thanh toán vượt mức quy định và việc thu hồi điện thoại, chuyển hợp đồng về gia đình khi cán bộ nghỉ hưu, nghỉ công tác hay cán bộ chuyển sang đảm nhận công tác mới không thuộc diện được trang bị điện thoại...

Bản Quy chế về trang bị, sử dụng và thanh toán cước phí điện thoại nêu trên được công bố công khai trong cơ quan, đơn vị.

6. Việc thanh toán chi phí lắp đặt ban đầu và thanh toán cước phí sử dụng điện thoại hàng tháng cho các đối tượng phải trên cơ sở hóa đơn thanh toán của cơ quan bưu điện nhưng không được vượt quá mức quy định về giá mua máy, mức thanh toán cước phí sử dụng điện thoại theo quy định của Thủ tướng Chính phủ hoặc mức khoán theo quy chế của Thủ trưởng đơn vị. Cước phí sử dụng điện thoại tháng nào thanh toán cho tháng đó, không được lấy tháng có số cước sử dụng ít hơn mức quy định để thanh toán bù cho tháng có mức cước sử dụng cao hơn quy định. Kinh phí bảo đảm cho việc lắp đặt ban đầu và thanh toán cước phí sử dụng điện thoại cho các

đối tượng được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.

Đối với giáo sư đã nghỉ hưu nhưng còn làm chủ nhiệm đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ nếu được Nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh hoặc được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thì nguồn kinh phí mua sắm, lắp đặt, thanh toán cước phí sử dụng điện thoại cố định, điện thoại di động do cơ quan chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ mà Giáo sư làm chủ nhiệm chi trả.

Đối với các quy định khác không có hướng dẫn chi tiết tại Thông tư này đề nghị thực hiện theo đúng Quy định về Tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ.

7. Cơ quan tài chính, kho bạc nhà nước các cấp có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát việc đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trang cấp điện thoại cũng như việc thanh toán cước phí điện thoại bảo đảm theo đúng tiêu chuẩn và mức thanh toán quy định tại Quyết định số 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này; tại Quy định số 68/QĐ-TW ngày 21/10/1999 của Ban chấp hành Trung ương Đảng và Hướng dẫn số 10/HĐ-TCTU ngày 29/12/1999 của Ban Tổ chức Trung ương Đảng.

8. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2001.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh những vấn đề vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN